

DANH SÁCH HSSV ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 - 2026
(Kèm Quyết định số 575 /QĐ-CDLC ngày 07 / 5 / 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lào Cai)

STT	TT	Lớp	Số tín chỉ	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	KQTH lần 1		KQ rèn luyện		Điểm U'T	Điểm xét Học bổng	Xếp loại Học bổng
							Điểm HK1	Xếp loại	Điểm	Xếp loại			
I	Khoa CN Ô tô - Cơ khí: 38 HSSV												
1	1	CD.COT.K23.CLC	15	2365102160001	Lù A An	19/8/2005	3.77	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.12	3.89	Xuất sắc
2	2	CD.COT.K23.CLC	15	2365102160008	Trần Thanh Dương	14/8/2005	3.54	Xuất sắc	80	Tốt		3.54	Giỏi
3	3	CD.COT.K23B	23	2365102160077	Vàng Văn Chương	16/01/2005	3.67	Xuất sắc	98	Xuất sắc	0.16	3.83	Xuất sắc
4	4	CD.COT.K23C	23	2365102160127	Bùi Anh Thiện	21/6/1996	3.64	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.16	3.80	Xuất sắc
5	5	CD.COT.K23C	23	2365102160107	Nông Xuân Bách	05/10/2005	3.56	Xuất sắc	90	Xuất sắc		3.56	Xuất sắc
6	6	CD.COT.K23C	23	2365102160137	Đỗ Anh Tuấn	06/8/2005	3.76	Xuất sắc	80	Tốt		3.76	Giỏi
7	7	CD.COT.K23B	23	2365102160071	Trần Việt Anh	04/08/2005	3.67	Xuất sắc	88	Tốt	0.08	3.75	Giỏi
8	8	CD.COT.K24.CLC	22	2465102160011	Lò Văn Khoa	21/7/2004	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
9	9	CD.COT.K24.CLC	22	2465102160007	Trần Đức Đạt	08/6/2006	3.65	Xuất sắc	95	Xuất sắc	0.16	3.81	Xuất sắc
10	10	CD.COT.K24B	17	2465102160080	Phạm Trung Kiên	02/01/2006	3.31	Giỏi	84	Tốt		3.31	Giỏi
11	11	CD.COT.K24B	17	2465102160085	Vũ Đức Mạnh	12/6/2006	3.31	Giỏi	81	Tốt		3.31	Giỏi
12	12	CD.COT.K24B	17	2465102160090	Tao Văn Ngân	13/10/2006	3.31	Giỏi	81	Tốt		3.31	Giỏi
13	13	CD.COT.K24A	16	2465102160048	Nguyễn Trung Đức	09/4/2005	3.19	Giỏi	81	Tốt	0.08	3.27	Giỏi
14	14	CD.COT.K24A	16	2465102160043	Lương Mạnh Dương	19/01/2003	3.00	Giỏi	88	Tốt	0.16	3.16	Giỏi
15	15	CD.COT.K24B	17	2465102160100	Đinh Văn Thương	04/12/2006	3.00	Giỏi	85	Tốt	0.16	3.16	Giỏi
16	16	CD.COT.K25.CLC	17	2565102160011	Vũ Anh Huy	03/01/2006	3.65	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	3.73	Xuất sắc
17	17	CD.COT.K25.CLC	17	2565102160019	Nguyễn Hữu Trung	02/11/2007	3.53	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.12	3.65	Xuất sắc
18	18	CD.COT.K25A	18	2565102160045	Lò Văn Kím	10/09/2007	3.52	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	3.68	Xuất sắc
19	19	CD.COT.K25A	18	2565102160041	Lù Văn Huỳnh	26/11/2006	3.33	Giỏi	80	Tốt		3.33	Giỏi
20	20	CD.COT.K25A	18	2565102160034	Nguyễn Ngọc Hải	27/12/2007	3.29	Giỏi	80	Tốt		3.29	Giỏi
21	21	CD.COT.K25B	17	2565102160083	Đặng Ngọc Hưng	29/10/2007	3.24	Giỏi	90	Xuất sắc		3.24	Giỏi
22	22	CD.COT.K25B	17	2565102160098	Hàng A Thành	01/4/2007	3.12	Giỏi	90	Xuất sắc	0.12	3.24	Giỏi
23	23	CD.COT.K25C	18	2565102160146	Nguyễn Trường Vũ	27/11/2007	3.24	Giỏi	80	Tốt		3.24	Giỏi
24	24	CD.COT.K25C	18	2565102160130	Khuất Phương Nam	08/4/2003	3.10	Giỏi	90	Xuất sắc	0.12	3.22	Giỏi
25	25	CD.COT.K25A	18	2565102160036	Đổng Đức Hào	08/03/2007	3.00	Giỏi	90	Xuất sắc	0.12	3.12	Giỏi
26	26	CD.HAN.K23	19	2365201230001	Nguyễn Tuấn Anh	26/7/2005	3.25	Giỏi	85	Tốt	0.16	3.41	Giỏi
27	27	CD.HAN.K24	17	2465201230009	Nguyễn Văn Vũ	28/6/1999	3.65	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.16	3.81	Xuất sắc
28	28	CD.HAN.K25	22	2565202270034	Phạm Thiện Bản	19/11/2007	3.10	Giỏi	84	Tốt		3.10	Giỏi
29	29	TC.COT.K24.5A	15	2455102160009	Đặng Văn Lai	04/3/2005	3.21	Giỏi	90	Xuất sắc		3.21	Giỏi
30	30	TC.COT.K24.5B	16	2455102160035	Nguyễn Đại Trung Nguyễn	25/10/2009	2.86	Khá	85	Tốt		2.86	Khá
31	31	TC.COT.K24.5B	16	2455102160034	Hà Duy Khương	10/10/2009	2.71	Khá	80	Tốt		2.71	Khá
32	32	TC.COT.K25.5A	18	2555102160034	Đỗ Văn Vững	31/3/2010	3.00	Giỏi	85	Tốt	0.16	3.16	Giỏi
33	33	TC.COT.K25.5A	18	2555102160032	Lò Sành Tùng	14/02/2010	2.89	Khá	80	Tốt		2.89	Khá
34	34	TC.COT.K25.5A	18	2555102160023	Chào Văn Sinh	05/9/2010	2.72	Khá	80	Tốt		2.72	Khá
35	35	TC.COT.K25.5A	18	2555102160012	Bản Đặng Thanh Huyền	28/11/2010	2.61	Khá	80	Tốt		2.61	Khá
36	36	TC.HAN.K24.5	16	2455201230008	Triệu Văn Long	26/10/2009	2.86	Khá	89	Tốt	0.16	3.02	Khá
37	37	TC.HAN.K25.5	19	2555201230026	Trần Quốc Toàn	24/7/2010	2.94	Khá	90	Xuất sắc	0.16	3.10	Khá
38	38	TC.HAN.K25.5	19	2555201230005	Ma Văn Chu	19/3/2010	2.61	Khá	82	Tốt		2.61	Khá
II	Khoa Điện: 43 HSSV												
39	1	CD.DCN.K23.CLC	15	2365202270011	Nguyễn Khang Huy	01/06/2005	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	4.16	Xuất sắc
40	2	CD.DCN.K23.CLC	15	2365202270012	Phan Văn Khải	07/08/2005	3.86	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	3.94	Xuất sắc
41	3	CD.DCN.K23B	21	2365202270079	Nguyễn Đình Hiếu	11/01/2004	3.87	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	4.03	Xuất sắc

STT	TT	Lớp	Số tín chỉ	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	KQTH lần 1		KQ rèn luyện		Điểm ƯT	Điểm xét Học bổng	Xếp loại Học bổng
							Điểm HK1	Xếp loại	Điểm	Xếp loại			
42	4	CĐ.ĐCN.K23B	21	2365202270101	La Quang Thoại	05/01/2005	3.80	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	3.88	Xuất sắc
43	5	CĐ.ĐCN.K23A	20	2365202270058	Phạm Thanh Quý	16/05/1997	3.63	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.16	3.79	Xuất sắc
44	6	CĐ.ĐCN.K23B	21	2365202270107	Phạm Văn Trường	02/03/2004	3.67	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	3.75	Xuất sắc
45	7	CĐ.ĐCN.K23A	20	2365202270045	Chào Láo Lở	09/07/2004	3.37	Giỏi	88	Tốt	0.08	3.45	Giỏi
46	8	CĐ.ĐCN.K25.CLC	16	2565202270017	Đỗ Văn Huỳnh	21/07/2003	3.57	Xuất sắc	95	Xuất sắc	0.16	3.73	Xuất sắc
47	9	CĐ.ĐCN.K25.CLC	16	2565202270004	Hoàng Văn Chuẩn	22/07/1995	3.64	Xuất sắc	92	Xuất sắc		3.64	Xuất sắc
48	10	CĐ.ĐCN.K25A	20	2565202270051	Đông Minh Khánh	08/12/2007	3.65	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.16	3.81	Xuất sắc
49	11	CĐ.ĐCN.K25A	20	2565202270057	Trịnh Quang Minh	25/01/2007	3.65	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	3.73	Xuất sắc
50	12	CĐ.ĐCN.K25B	18	2565202270079	Tải Bình An	19/01/2007	3.56	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.08	3.64	Xuất sắc
51	13	CĐ.ĐCN.K25C	21	2565202270166	Phạm Đức Việt	08/11/2004	3.48	Giỏi	92	Xuất sắc	0.16	3.64	Giỏi
52	14	CĐ.ĐCN.K25C	21	2565202270148	Vàng Văn Phúc	19/04/2004	3.48	Giỏi	92	Xuất sắc	0.08	3.56	Giỏi
53	15	CĐ.ĐCN.K25B	18	2565202270088	Nguyễn Tiến Đạt	16/09/2005	3.44	Giỏi	92	Xuất sắc	0.08	3.52	Giỏi
54	16	CĐ.ĐCN.K25B	18	2565202270113	Trần Ngọc Phong	21/03/2007	3.33	Giỏi	95	Xuất sắc	0.16	3.49	Giỏi
55	17	CĐ.ĐCN.K25A	20	2565202270041	Lê Hồng Duy	21/12/2007	3.45	Giỏi	80	Tốt		3.45	Giỏi
56	18	CĐ.ĐCN.K25B	18	2565202270096	Lâm Văn Hải	01/02/2007	3.33	Giỏi	84	Tốt	0.08	3.41	Giỏi
57	19	CĐ.KML.K23	10	2365202050005	Triệu Văn Giới	09/02/2005	3.00	Giỏi	92	Xuất sắc	0.08	3.08	Giỏi
58	20	CĐ.KML.K23	10	2365202050030	Lương Văn Thường	22/02/2004	3.00	Giỏi	92	Xuất sắc		3.00	Giỏi
59	21	CĐ.KML.K24B	17	2465202050035	Sê Văn Lai	14/01/2003	3.82	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	3.98	Xuất sắc
60	22	CĐ.KML.K24A	10	2465202050009	Phùng Kim Ngọc	26/12/2002	3.31	Giỏi	85	Tốt	0.16	3.47	Giỏi
61	23	CĐ.KML.K24B	17	2465202050044	Vương Văn Trường	25/04/2006	3.09	Giỏi	82	Tốt	0.08	3.17	Giỏi
62	24	CĐ.KML.K25B	18	2565202050056	Tao Văn Quyển	05/09/2004	3.39	Giỏi	92	Xuất sắc	0.16	3.55	Giỏi
63	25	CĐ.KML.K25A	17	2565202050010	Lê Huy Hoàng	25/03/2007	3.41	Giỏi	92	Xuất sắc		3.41	Giỏi
64	26	CĐ.KML.K25A	17	2565202050008	Trần Đức Giang	09/10/2007	3.18	Giỏi	91	Xuất sắc	0.08	3.26	Giỏi
65	27	CĐ.KML.K25B	18	2565202050051	Hoàng Đình Luân	28/10/2007	3.17	Giỏi	91	Xuất sắc	0.08	3.25	Giỏi
66	28	CĐ.VTĐ.K23A	21	2365202460037	Lù Văn Tâm	10/08/1998	3.84	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.16	4.00	Xuất sắc
67	29	CĐ.VTĐ.K23B	21	2365202460094	Tân Cao Tân	13/12/2002	3.67	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	3.83	Xuất sắc
68	30	CĐ.VTĐ.K23A	21	2365202460018	Lò Thị Hường	26/04/2004	3.74	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	3.82	Xuất sắc
69	31	CĐ.VTĐ.K23B	21	2365202460100	Vàng Đức Tuấn	12/07/2005	3.67	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	3.75	Xuất sắc
70	32	CĐ.VTĐ.K23B	21	2365202460062	Trần Minh Đức	07/07/1998	3.60	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.12	3.72	Xuất sắc
71	33	CĐ.VTĐ.K23A	21	2365202460029	Lý Quang Ninh	05/01/2005	3.63	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.08	3.71	Xuất sắc
72	34	CĐ.VTĐ.K25A	19	2565202460008	Phạm Duy Cường	21/05/2000	3.74	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.16	3.90	Xuất sắc
73	35	CĐ.VTĐ.K25B	21	2565202460056	Nguyễn Huy Hoàng	22/03/2007	3.62	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	3.70	Xuất sắc
74	36	CĐ.VTĐ.K25A	19	2565202460023	Lù Quốc Lâm	07/04/2007	3.38	Giỏi	88	Tốt	0.08	3.46	Giỏi
75	37	CĐ.VTĐ.K25A	19	2565202460007	Vàng Quốc Chung	13/08/2004	3.37	Giỏi	90	Xuất sắc	0.08	3.45	Giỏi
76	38	CĐ.VTĐ.K25A	19	2565202460034	Hoàng Tà Sơn	17/05/2004	3.26	Giỏi	88	Tốt	0.08	3.34	Giỏi
77	39	TC.ĐDD.K25.5	19	2555202260002	Lành Văn Cường	20/11/2006	2.84	Khá	84	Tốt	0.16	3.00	Khá
78	40	TC.KML.K24.5	16	2455202050010	Giàng A Thái	20/11/2009	3.43	Giỏi	90	Xuất sắc	0.16	3.59	Giỏi
79	41	TC.KML.K25.5	16	2555202050001	Trần Quang Anh	09/12/2004	3.27	Giỏi	89	Tốt	0.16	3.43	Giỏi
80	42	TC.VTĐ.K25.5	18	2555202460016	Giàng A Vi	05/06/2007	3.14	Giỏi	80	Tốt	0.16	3.30	Giỏi
81	43	TC.VTĐ.K25.5	18	2555202460019	Phà Thị Xía	20/03/2009	3.06	Giỏi	86	Tốt		3.06	Giỏi
III	Khoa CN Thông tin - Ngoại ngữ: 48 HSSV												
82	1	CĐ.CNT.K23	12	2364802020003	Lý Chu Cá	10/5/2005	3.08	Giỏi	83	Tốt	0.16	3.24	Giỏi
83	2	CĐ.CNT.K24	19	2464802020004	Cư Mạnh Chung	02/3/2006	3.65	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	3.81	Xuất sắc
84	3	CĐ.CNT.K24	19	2464802020027	Đoàn Quốc Tuấn	21/3/2005	3.65	Xuất sắc	90	Xuất sắc		3.65	Xuất sắc

STT	TT	Lớp	Số tín chỉ	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	KQTH lần 1		KQ rèn luyện		Điểm U'T	Điểm xét Học bổng	Xếp loại Học bổng
							Điểm HK1	Xếp loại	Điểm	Xếp loại			
85	4	CĐ.CNT.K25	18	2564802020019	Nguyễn Hoàng Việt	07/10/2005	3.19	Giỏi	84	Tốt	0.12	3.31	Giỏi
86	5	CĐ.CNT.K25	18	2564802020005	Hoàng Anh Hiếu	29/11/2007	2.81	Khá	87	Tốt	0.16	2.97	Khá
87	6	CĐ.TAN.K23	14	2362202060006	Nông Hà Sông Lam	20/03/1999	3.79	Xuất sắc	95	Xuất sắc	0.16	3.95	Xuất sắc
88	7	CĐ.TAN.K24	15	2462202060006	Phà Ta Gơ	05/3/2006	3.60	Xuất sắc	93	Xuất sắc		3.60	Xuất sắc
89	8	CĐ.TAN.K25	12	2562202060006	Đặng Phương Mai	27/10/2007	3.67	Xuất sắc	90	Xuất sắc		3.67	Xuất sắc
90	10	CĐ.TTQ.K23A	16	2362202090017	Sùng Thị Hoa	01/11/2005	4.00	Xuất sắc	93	Xuất sắc	0.12	4.12	Xuất sắc
91	11	CĐ.TTQ.K23A	16	2362202090005	Goàng Sín Choang	09/02/2005	4.00	Xuất sắc	93	Xuất sắc	0.12	4.12	Xuất sắc
92	12	CĐ.TTQ.K23B	16	2362202090065	Hoàng Kim Loan	19/9/2005	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.12	4.12	Xuất sắc
93	13	CĐ.TTQ.K23D	16	2362202090132	Thào Thị Bàu	29/9/2005	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.12	4.12	Xuất sắc
94	14	CĐ.TTQ.K23A	16	2362202090003	Đồng Linh Chi	16/03/2004	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.08	4.08	Xuất sắc
95	9	CĐ.TTQ.K23E	16	2362202090219	Đèo Thị Tuyết	17/02/2003	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	4.08	Xuất sắc
96	15	CĐ.TTQ.K23A	16	2362202090016	Bản Thủy Hằng	08/02/2005	4.00	Xuất sắc	94	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
97	16	CĐ.TTQ.K23B	16	2362202090066	Tần Tà Mỷ	03/9/2004	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
98	17	CĐ.TTQ.K23D	16	2362202090162	Hà Vũ Thu Phương	20/3/2005	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
99	18	CĐ.TTQ.K23E	16	2362202090205	Đồng Thị Oanh	07/3/2005	4.00	Xuất sắc	91	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
100	19	CĐ.TTQ.K24G	17	2462202090214	Tạ Thị Hương Sâm	04/7/2006	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.16	4.16	Xuất sắc
101	20	CĐ.TTQ.K24B	20	2462202090048	Giàng Thị Liên	07/6/2006	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.12	4.12	Xuất sắc
102	21	CĐ.TTQ.K24A	17	2462202090013	Nguyễn Thị Hoài Lan	20/06/2006	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.08	4.08	Xuất sắc
103	22	CĐ.TTQ.K24G	17	2462202090212	Lèng Thị Quý	10/3/2005	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.08	4.08	Xuất sắc
104	23	CĐ.TTQ.K24A	17	2462202090009	Hoàng Thị Diễm	02/10/2004	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	4.08	Xuất sắc
105	24	CĐ.TTQ.K24D	20	2462202090151	Lù Thị Súng	15/10/2005	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	4.08	Xuất sắc
106	25	CĐ.TTQ.K24G	17	2462202090226	Lò Thị Thắm	25/8/2004	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	4.08	Xuất sắc
107	26	CĐ.TTQ.K24A	17	2462202090018	Phản Thị Anh Thư	06/04/2006	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
108	27	CĐ.TTQ.K24B	20	2462202090070	Lò Thị Tầm	18/8/2003	4.00	Xuất sắc	91	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
109	28	CĐ.TTQ.K24C	20	2462202090094	Lù Thị Hạnh	10/8/2003	3.88	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.12	4.00	Xuất sắc
110	29	CĐ.TTQ.K24G	17	2462202090215	Chu Thị Sang	08/12/2005	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
111	30	CĐ.TTQ.K24G	17	2462202090231	Ly Thị Thảo	05/02/2001	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
112	31	CĐ.TTQ.K25.CLC	14	2562202090016	Nông Thị Thúy Hồng	23/5/2007	4.00	Xuất sắc	97	Xuất sắc	0.12	4.12	Xuất sắc
113	32	CĐ.TTQ.K25.CLC	14	2562202090017	Đoàn Thị Huân	28/4/2006	3.86	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.08	3.94	Xuất sắc
114	33	CĐ.TTQ.K25C	15	2562202090118	Nguyễn Anh Dũng	02/02/2004	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.16	4.16	Xuất sắc
115	34	CĐ.TTQ.K25B	15	2562202090095	Lò Đức Mạnh	13/3/2003	3.88	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.16	4.04	Xuất sắc
116	35	CĐ.TTQ.K25B	15	2562202090094	Hoàng Kim Ly	26/02/2006	3.88	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.12	4.00	Xuất sắc
117	36	CĐ.TTQ.K25D	16	2562202090157	Nguyễn Thu Hương	17/10/2006	3.82	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.08	3.90	Xuất sắc
118	37	CĐ.TTQ.K25B	15	2562202090104	Lý Văn Phúc	14/5/2004	3.88	Xuất sắc	90	Xuất sắc		3.88	Xuất sắc
119	38	CĐ.TTQ.K25C	15	2562202090136	Lý Thị Mùi	10/04/2007	3.75	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	3.83	Xuất sắc
120	39	CĐ.TTQ.K25A	18	2562202090051	Nguyễn Xuân Mai	22/9/2007	3.63	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.16	3.79	Xuất sắc
121	40	CĐ.TTQ.K25C	15	2562202090139	Trang Thị Nguyệt	10/10/2005	3.69	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.08	3.77	Xuất sắc
122	41	CĐ.TTQ.K25C	15	2562202090123	Trần Thị Thanh Hiền	27/12/2006	3.75	Xuất sắc	90	Xuất sắc		3.75	Xuất sắc
123	42	CĐ.TTQ.K25C	15	2562202090114	Ma Seo Chùa	27/07/2004	3.56	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.12	3.68	Xuất sắc
124	43	TC.TTQ.K24.5A	15	2452202090037	Phản Phạm Phóng	16/3/2005	3.86	Xem lại	90	Xuất sắc	0.16	4.02	Xuất sắc
125	44	TC.TTQ.K24.5A	15	2452202090012	Cáo Thị Hiền	28/8/1994	4.00	Xem lại	92	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
126	45	TC.TTQ.K24.5A	15	2452202090055	Lò Thị Xười	12/8/2006	3.86	Xem lại	92	Xuất sắc		3.86	Xuất sắc
127	46	TC.TTQ.K25.5	16	255220209023	Lý Thùy Minh	08/04/2004	3.81	Xuất sắc	90	Xuất sắc		3.81	Xuất sắc
128	47	TC.TTQ.K25.5	16	255220209010	Tần Thị Hà	13/03/2005	3.50	Xuất sắc	91	Xuất sắc		3.50	Xuất sắc
129	48	TC.TTQ.K25.5	16	255220209030	Lèng Xuân Nguyệt	05/03/2010	3.44	Giỏi	83	Tốt		3.44	Giỏi
IV	Khoa Kinh tế, Nông lâm, Xây dựng: 9 HSSV												

STT	TT	Lớp	Số tín chỉ	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	KQTH lần 1		KQ rèn luyện		Điểm ƯT	Điểm xét Học bổng	Xếp loại Học bổng
							Điểm HK1	Xếp loại	Điểm	Xếp loại			
130	1	CĐ.KTO.K24	19	2463403010002	Tân Thị Ngọc Anh	15/01/2004	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.12	4.12	Xuất sắc
131	2	CĐ.KTO.K24	19	2463403010010	Mai Thị Hồng	30/4/2006	3.86	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.16	4.02	Xuất sắc
132	3	CĐ.KTO.K25A	19	2563403010002	Lù Thị Đào	01/02/2005	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	4.08	Xuất sắc
133	4	CĐ.KTO.K25A	19	2563403010006	Nguyễn Thị Ngọc	05/6/2007	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	4.08	Xuất sắc
134	5	CĐ.KTO.K25.TTQ	19	2563403010059	Trần Đỗ Khánh Vân	16/03/2007	3.80	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.08	3.88	Xuất sắc
135	6	CĐ.KTO.K25A	19	2563403010018	Lương Thị Tươi	23/4/2001	3.73	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.12	3.85	Xuất sắc
136	7	CĐ.KXD.K25	16	2565802010008	Nguyễn Bá Tài	08/4/2007	3.11	Giỏi	85	Tốt	0.08	3.19	Giỏi
137	8	CĐ.THY.K24	23	2466401010005	Lò Minh Đáng	04/10/2005	3.62	Xuất sắc	95	Xuất sắc	0.16	3.78	Xuất sắc
138	9	CĐ.THY.K25	15	2566401010005	Đặng Văn Đức	18/11/2004	3.20	Giỏi	92	Xuất sắc	0.08	3.28	Giỏi
V Khoa Văn hóa Nghệ thuật: 12 HSSV													
139	1	CĐ.DVM.K23	20	2362102130006	Mạ Thị Minh Nguyệt	01/09/2004	4.00	Xuất sắc	95	Xuất sắc	0.16	4.16	Xuất sắc
140	2	CĐ.TNH.K25	16	2362102250005	Vũ Thị Nguyệt	13/12/2005	4.00	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.16	4.16	Xuất sắc
141	3	CĐ.HHO.K25	18	2562101030004	Trương Quý Đăng	22/02/2004	3.88	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.16	4.04	Xuất sắc
142	4	CĐ.DVM.K23	20	2362102130003	Tòng Thị Hạnh	03/03/2004	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
143	5	CĐ.DVM.K25	17	2562102130001	Trần Vũ Linh Chi	16/11/2007	4.00	Xuất sắc	91	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
144	6	TC.NBM.K23.5	12	2352102070007	Lường Gia Hưng	16/01/2008	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	4.16	Xuất sắc
145	7	TC.HHO.K24.5	24	2452101030012	Tráng Thín Sơn	02/9/2009	3.86	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	4.02	Xuất sắc
146	8	TC.NBM.K23.5	12	2352102070006	Lò Thái Hoàng	21/05/2008	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
147	9	TC.NBM.K23.5	12	2352102070014	Lường Mạnh Toàn	12/01/2008	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc
148	10	TC.NBM.K25.5	15	2552102070016	Hà Minh Tuyển	03/03/2010	3.88	Xuất sắc	91	Xuất sắc		3.88	Xuất sắc
149	11	TC.HHO.K24.5	24	2452101030009	Châu Tả Mây	22/7/2009	3.86	Xuất sắc	90	Xuất sắc		3.86	Xuất sắc
150	12	TC.NBM.K25.5	15	2552102070005	Hà Bảo Long	08/08/2010	3.56	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.16	3.72	Xuất sắc
VI Khoa Y - Dược: 27 HSSV													
151	1	CĐ.ĐDU.K23	10	2367203010109	Nguyễn Thị Thu Hiền	20/05/2005	4.00	Xuất sắc	93	Xuất sắc	0.08	4.08	Xuất sắc
152	2	CĐ.ĐDU.K23	10	2367203010124	Vương Kim Thảo	25/10/2004	3.75	Xuất sắc	93	Xuất sắc	0.16	3.91	Xuất sắc
153	3	CĐ.ĐDU.K24E	24	2467203010214	Nguyễn Thị Xuân	17/12/2006	3.50	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.12	3.62	Xuất sắc
154	4	CĐ.ĐDU.K24C	24	2467203010080	Nguyễn Trương Đức Anh	18/10/2005	3.41	Giỏi	91	Xuất sắc	0.12	3.53	Giỏi
155	5	CĐ.ĐDU.K24C	24	2467203010098	Hoàng Thị Lan	14/01/2001	3.53	Xuất sắc	80	Tốt		3.53	Giỏi
156	6	CĐ.ĐDU.K24D	24	2467203010142	Hà Thị Luyến	29/04/1998	3.18	Giỏi	90	Xuất sắc		3.18	Giỏi
157	7	CĐ.ĐDU.K24C	24	2467203010116	Lù Văn Thủy	13/10/2006	3.18	Giỏi	84	Tốt		3.18	Giỏi
158	8	CĐ.ĐDU.K24E	24	2467203010213	Nguyễn Thành Vinh	05/12/2000	3.00	Giỏi	90	Xuất sắc		3.00	Giỏi
159	9	CĐ.ĐDU.K24D	24	2467203010138	Lương Thị Nhật Lệ	07/12/2006	3.00	Giỏi	82	Tốt		3.00	Giỏi
160	10	CĐ.ĐDU.K24D	24	2467203010165	Vàng Quế Anh	10/09/2004	3.00	Giỏi	81	Tốt		3.00	Giỏi
161	11	CĐ.ĐDU.K24D	24	2467203010126	Trần Đăng Quỳnh Anh	04/02/2006	3.18	Giỏi	74	Khá		3.18	Khá
162	12	CĐ.ĐDU.K25D	21	2567203010146	Vũ Bình Minh	24/06/2004	3.81	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.16	3.97	Xuất sắc
163	13	CĐ.ĐDU.K25B	21	2567203010082	Lý Thị Xoan	06/09/2005	3.81	Xuất sắc	91	Xuất sắc		3.81	Xuất sắc
164	14	CĐ.ĐDU.K25B	21	2567203010061	Hoàng Ngọc Nhi	12/10/2007	3.81	Xuất sắc	91	Xuất sắc		3.81	Xuất sắc
165	15	CĐ.ĐDU.K25B	21	2567203010041	Nguyễn Thị Ngọc Bích	21/01/1998	3.62	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.08	3.70	Xuất sắc
166	16	CĐ.ĐDU.K25B	21	2567203010080	Vùi Thị Vui	26/03/2000	3.62	Xuất sắc	91	Xuất sắc		3.62	Xuất sắc
167	17	CĐ.ĐDU.K25D	21	2567203010151	Đặng Thúy Nguyên	08/03/2006	3.62	Xuất sắc	91	Xuất sắc		3.62	Xuất sắc
168	18	CĐ.ĐDU.K25D	21	2567203010162	Nguyễn Thanh Thảo	04/06/2006	3.57	Xuất sắc	91	Xuất sắc		3.57	Xuất sắc
169	19	CĐ.ĐDU.K25B	21	2567203010182	Hoàng Thùy Dung	20/08/1995	3.52	Xuất sắc	91	Xuất sắc		3.52	Xuất sắc
170	20	CĐ.ĐDU.K25D	21	2567203010148	Vũ Thị Minh Ngọc	09/01/2007	3.81	Xuất sắc	87	Tốt		3.81	Giỏi
171	21	CĐ.DUO.K23	23	2367202010057	Trần Thị Thu Hà	23/03/1996	4.00	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.12	4.12	Xuất sắc
172	22	CĐ.DUO.K23	23	2367202010059	Nguyễn Nhật Hằng	24/12/2005	4.00	Xuất sắc	91	Xuất sắc		4.00	Xuất sắc

STT	TT	Lớp	Số tín chỉ	Mã HSSV	Họ và tên	Ngày sinh	KQTH lần 1		KQ rèn luyện		Điểm ƯT	Điểm xét Học bổng	Xếp loại Học bổng
							Điểm HK1	Xếp loại	Điểm	Xếp loại			
173	23	CĐ.DUO.K24A	21	2467202010004	Hoàng Thị Dĩnh	20/07/2002	3.70	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.12	3.82	Xuất sắc
174	24	CĐ.DUO.K24A	21	2467202010020	Ngô Thị Huyền My	08/10/2006	3.70	Xuất sắc	91	Xuất sắc	0.08	3.78	Xuất sắc
175	25	CĐ.DUO.K24A	21	2467202010001	Lưu Thị Ánh	22/03/2006	3.65	Xuất sắc	90	Xuất sắc		3.65	Xuất sắc
176	26	CĐ.DUO.K25	18	2567202010033	Lương Thị Thảo	05/03/2004	3.72	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.12	3.84	Xuất sắc
177	27	CĐ.DUO.K25	18	2567202010034	Phạm Thị Kim Thoa	14/09/2007	3.28	Giỏi	85	Tốt	0.08	3.36	Giỏi
VII Khoa Du lịch: 24 HSSV													
178	1	CĐ.HDL.K24	14	2468101030012	Đặng Thị Hồng Duyên	27/11/2001	4.00	Xuất sắc	92	Xuất sắc	0.16	4.16	Xuất sắc
179	2	CĐ.HDL.K24	14	2468101030005	Lý Sinh Chánh	15/01/2003	3.71	Xuất sắc	83	Tốt		3.71	Giỏi
180	3	CĐ.HDL.K24	14	2468101030047	Phan Văn Tuyển	10/07/2003	3.71	Xuất sắc	83	Tốt		3.71	Giỏi
181	4	CĐ.HDL.K25A.TTQ	15	2568101030068	Nguyễn Tiến Luyện	15/07/2005	3.71	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	3.87	Xuất sắc
182	5	CĐ.HDL.K25A.TTQ	15	2568101030061	Phạm Ngọc Lan	28/07/2001	3.71	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.12	3.83	Xuất sắc
183	6	CĐ.HDL.K25B.TTQ	15	2568101030053	Sùng Thị Hành	17/01/2005	3.56	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.12	3.68	Xuất sắc
184	7	CĐ.HDL.K25A.TTQ	15	2568101030065	Hàng Seo Lúa	15/09/2007	3.82	Xuất sắc	87	Tốt		3.82	Giỏi
185	8	CĐ.HDL.K25A.TTQ	15	2568101030054	Long Thị Hoa	10/05/2007	3.71	Xuất sắc	85	Tốt		3.71	Giỏi
186	9	CĐ.HDL.K25A.TTQ	15	2568101030070	Chào Thị Mùi	01/08/2007	3.71	Xuất sắc	85	Tốt		3.71	Giỏi
187	10	CĐ.QDL.K24	8	2468101010021	Sùng Thị Pằng	24/10/2005	3.71	Xuất sắc	86	Tốt	0.08	3.79	Giỏi
188	11	CĐ.QDL.K24	8	2468101010019	Lý Lờ Mây	26/8/2006	3.71	Xuất sắc	85	Tốt	0.08	3.79	Giỏi
189	12	CĐ.QDL.K25	21	2568101010020	Hù Ha Xa	27/4/2006	4.00	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	4.16	Xuất sắc
190	13	CĐ.QKS.K24	4	2468102010019	Tân Tả Mây	08/11/2005	3.73	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.12	3.85	Xuất sắc
191	14	CĐ.QKS.K25	12	2568102010028	Sầm Thị Thềm	13/7/2007	3.36	Giỏi	88	Tốt	0.12	3.48	Giỏi
192	15	CĐ.QKS.K25	12	2568102010017	Nguyễn Thị Huyền Linh	25/6/2005	3.36	Giỏi	86	Tốt	0.08	3.44	Giỏi
193	16	CĐ.QKS.K25	12	2568102010022	Phạm Thanh Phương	20/8/2008	3.19	Giỏi	86	Tốt	0.12	3.31	Giỏi
194	17	TC.HDL.K24.5	8	2458101030003	Ma Lìn Chấn	07/01/2009	3.08	Giỏi	85	Tốt	0.12	3.20	Giỏi
195	18	TC.HDL.K25.5	16	2558101030034	Đặng Thị Tâm	07/3/2010	3.50	Xuất sắc	91	Xuất sắc		3.50	Xuất sắc
196	19	TC.HDL.K25.5	16	2558101030031	Tráng Thị Say	20/5/2009	3.22	Giỏi	89	Tốt	0.08	3.30	Giỏi
197	20	TC.NNK.K24.5	13	2458102050036	Châu A Sáng	15/01/2007	2.73	Khá	86	Tốt		2.73	Khá
198	21	TC.NNK.K24.5.CLC	11	2458102050015	Hạng Thị Súa	01/10/2009	3.07	Giỏi	85	Tốt	0.16	3.23	Giỏi
199	22	TC.NNK.K25.5.CLC	19	2558102050023	Trần Ngọc Trâm	13/02/2008	3.61	Xuất sắc	90	Xuất sắc	0.16	3.77	Xuất sắc
200	23	TC.NNK.K25.5A	18	2558102050026	Nguyễn Hoài Anh	25/10/2010	3.18	Giỏi	84	Tốt	0.16	3.34	Giỏi
201	24	TC.NNK.K25.5A	18	2558102050052	Nông Thị Bảo Thi	15/4/2010	3.06	Giỏi	83	Tốt	0.12	3.18	Giỏi

Tổng số được học bổng: 201 HSSV, trong đó:

- Xuất sắc: $118/201 = 58.71\%$

- Giỏi: $71/201 = 35.32\%$

- Khá: $12/201 = 5.97\%$